

**THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**Tuần 35: từ ngày 13/04/2026 đến ngày 19/04/2026**

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) (B.101) 4		KTNPTB cho gia cầm (Hoà) (B.101) 4	
	Chiều	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng)	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) 4	KT thịt và các sp khác (Duyên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1
K11-DVTY P.E303	Sáng		KTNPTB cho lợn (Hung) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho trâu bò dê thỏ (H.Nga) (P.TH01) 4	KTNPTB cho lợn (Hung) (P.TH01) 4
	Chiều	KT thị và các sp khác (Hoà) 4	Khuyến nông (Luu) 4	KT thị và các sp khác (Hoà) 4	KT thị và các sp khác (Hoà) 4	KTNPTB cho gia cầm (Hoà) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	Quản trị doanh nghiệp (Son) 4	Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 4		Khởi sự kinh doanh (Son) 2	Kế toán DN I (Dung) 3
	Chiều	Quản trị VP (Hoa) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Kiểm toán (Hoa) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Quản trị doanh nghiệp (Son) 4
<b>CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY</b>						
TT64A1 P.B102	Sáng					
	Chiều	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 4	Thực tập cơ bản (Thọ) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1
TT65A1 P.B201	Sáng	Thủy nông (Bình) 4	Hóa BVTV (Huệ) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1
	Chiều					
TT65A3 P.B102	Sáng	Cây lương thực (Thọ) 4	Côn trùng CK (Hương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Thủy nông (Huyền) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1
	Chiều					
LN65A	Sáng	Tạo cây giống bằng chiết (Hương) 4	Tạo cây giống bằng giâm (Tuyết) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Thực vật - cây rừng (Hùng) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1
	Chiều					

CN64A1 P.E203	Sáng								
	Chiều	Ngoại sản (Vân) 4	KT thịt và các sp khác (Lệ) 4	Luật thú y (Nga) 4	Ngoại sản (Vân) 4	Quản trị kinh doanh (Thuý) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1		
CN65A1 P.B202	Sáng	Tiếng anh (Linh) 4	Tin học (Tâm) 4	Giống vật nuôi (Quyên) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	CĐ và ĐTH thú y (Lệ) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1		
	Chiều		(P.TH thư viện)						
CN65A3 P.B203	Sáng	VSV - Truyền nhiễm (Duyên) 4	CĐ và ĐTH thú y (Vân) 4	Giống vật nuôi (Hằng) 4	Tiếng anh (Linh) 4	VSV - Truyền nhiễm (Duyên) 3	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1		
	Chiều								
CN65A4 P.E304	Sáng	Tiếng anh (K.Nhung) 4	Giống vật nuôi (Quyên) 4	Khuyến nông (Triệu) 4	Tin học (Phương) 4	VSV - TN (Phượng) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1		
	Chiều								
KTDN64A1 P.E202	Sáng								
	Chiều	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Tin học kế toán (Mai) 4	Phân tích HĐKD (Nga) 4	Tin học kế toán (Mai) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1		
KTDN64A2 P.E204	Sáng								
	Chiều	Phân tích HĐKD (Nga) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Kiểm toán (Hoa) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Phân tích HĐKD (Nga) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1		
KTDN65A1 P.B103	Sáng	Kinh tế chính trị (Quế) 2	Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 4	Kế toán DN 1 (Dung) 4	Soạn thảo VB (Hoa) 4	Kế toán DN 1 (Dung) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1		
	Chiều	Luật kinh tế (Huyền) 2							
KTDN65A2 P.B104	Sáng	Luật kinh tế (Huyền) 2	Kế toán DN 1 (T.Thảo) 4	Tin học (Phương) 4	Lý thuyết TCTT (P.Thảo) 2	Tài chính doanh nghiệp (Thuý) 3	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1		
	Chiều	Kinh tế chính trị (Quế) 2		(P.TH thư viện)	Nguyên lý Marketing (Sơn) 2				
KTDN64B	Sáng								
	Chiều	Tin học kế toán (Mai) 4	Phân tích HĐKD (T.Thảo) 4	Kế toán HCSN (P.Thảo) 4	Phân tích HĐKD (T.Thảo) 4	Tin học kế toán (Mai) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1		
KTDN65B	Sáng	Nguyên lý Marketing (Dung) 4	Luật kinh tế (Nga) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4	Kinh tế chính trị (Quế) 4	Soạn thảo VB (Sơn) 3	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1		
	Chiều								
CNTT64A1 P.TH	Sáng								
	Chiều	SD các thiết bị văn phòng (Trường) 4	SD các thiết bị văn phòng (Trường) 4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 4		Đồ hoạ ứng dụng (Quang) 3	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1		



<b>ĐCN65B3</b> <b>P.B306</b>	Sáng	Máy điện (Tuần) 4	Máy điện (Tuần) 4	GD chính trị (Thấm) 2	Truyền động điện (H. Anh) 4	Đo lường điện (Nga) 3
	Chiều			GDTC (Thuý) 2		<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1
<b>TL64</b>	Sáng					
	Chiều	Máy đóng mở cửa van (N.Đức) 4	TB điện trong HTTL (Huyền) 4	TB điện trong HTTL (Huyền) 4	Vận hành máy bơm LT và HL (Hoà) 4	Kỹ thuật nền móng (N.Đức) 3 <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1
<b>TL65</b>	Sáng	QLVH tưới tiêu (Huyền) 4	Trắc địa (Hoà) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		QLVH tưới tiêu (Huyền) 3 <i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1
	Chiều					
<b>CBBQ64</b>	Sáng					
	Chiều	Quản trị DN (Năm) 4	Quản trị DN (Năm) 4	Kiểm tra chất lượng TS (Năm) 4	Quản trị DN (Năm) 4	CB khô thủy sản (Liên) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
<b>CBBQ65</b>	Sáng	CB Surimi (Năm) 4	CB Surimi (Năm) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		CB Surimi (Năm) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
	Chiều					
<b>KTMĐT64</b>	Sáng					
	Chiều	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 4	BDSCCB D.ME tàu thủy (Đông) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1
<b>KTMĐT65</b>	Sáng	Vật liệu máy TT (Đông) 4	Vật liệu máy TT (Đông) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Vật liệu máy TT (Đông) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1
	Chiều					
<b>NTTS64</b>	Sáng					
	Chiều	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4	KT nuôi ngao (Ánh) 4 <i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1
<b>ĐKTB65</b>	Sáng	Thiết bị trên boong (Trung) 4	Thủy nghiệp (Tiến) 4	Giáo dục QP - AN (Mạnh) 4		Thiết bị trên boong (Trung) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1
	Chiều					

**CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN**

<b>THỨ</b>		<b>Thứ 6</b>	<b>Thứ 7</b>	<b>Chủ nhật</b>
<b>LỚP</b>				
<b>TT64A2</b>	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1	TT cơ bản (Lịch) 4
	Chiều		TT cơ bản (Lịch) 4	
			TT cơ bản (Lịch) 4	TT cơ bản (Lịch) 4

TT64A3 P.B204	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1	TT cơ bản (Huệ)	4
	Chiều		TT cơ bản (Huệ)	4		
TT65A2 P.B204	Sáng	Đất trồng - Phân bón (Lịch)	3 <i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Sinh lý TV (Huyện)	4 GD chính trị (Quế)	3		
CN64A2 P.B205	Sáng		4 Tin học (Tâm)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4
	Chiều		<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1		
CN65A2 P.B205	Sáng	Giống vật nuôi (Quyên)	3 KT thịt và các sản phẩm khác (Phượng)	4		
	Chiều	GPSL vật nuôi (Hàng)	4 Ngoại sản (Hưng)	4		
CN65A2 P.B205	Sáng		3 <i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều		4 GD chính trị (Quế)	3		
			4 Tin học (Tâm)	4	GDQP - AN (Mạnh)	4

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu



**THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**  
Từ ngày từ ngày 13/04/2026 đến ngày 19/04/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Vật lý (Sơn) 4	Lịch sử (Hà) 4	Lịch sử (Hà) 2
	Chiều	GDKT và PL (Thúy) 4	Địa lý (Thúy) 4	Ngữ văn (Hằng) 2	Hoá học (Doan) 4	GDKT và PL (Thúy) 2 HĐTN (Nhưng) 1
VH63B3 P.B302	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 4	Toán (Quý) 2	Địa lý (Lực) 4		GDKT và PL (Quế) 3 HĐTN (Hà)
	Chiều	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quế) 4	GDKT và PL (Quế) 4	GDKT và PL (Quế) 2	
VH63B4 P.B303	Sáng	GDKT và PL (Quyên) 4	Toán (Nhưng) 4	GDKT và PL (Quyên) 4	Toán (Nhưng) 4	Lịch sử (Dự) 3 HĐTN (Dự)
	Chiều	Toán (Nhưng) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	
VH63B6 P.B304	Sáng	GDKT và PL (Tài) 4	Lịch sử (Lý) 2	Vật lý (Hoà) 2 Hoá học (Vân) 2	Ngữ văn (Hường) 4	Toán (Nhưng) 3 HĐTN (Hoà) 1
	Chiều	Ngữ văn (Hường) 4	GDKT và PL (Tài) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	
VH63B7 P.B305	Sáng	GDKT và PL (Nga) 4		GDKT và PL (Nga) 2	Ngữ văn (H.Hà) 4	GDKT và PL (Nga) 3 HĐTN (Nga) 1
	Chiều	Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Quý) 4	Vật lý (Hoà) 4	Toán (Quý) 2	
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (Hường) 4	Sinh học (Phượng) 2 Địa lý (Lực) 2	Ngữ văn (Hường) 4	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Quý) 3 HĐTN (K.Nhưng) 1
	Chiều	GDKT và PL (Quyên) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Quý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	



<b>VH64B1</b>	Sáng	Lịch sử (Hà) 4	Hoá học (Doan) 4	Toán (Nhưng) 4	Địa lý (Thúy) 4	Vật lý (Son) 4 <i>HĐTN (Hằng)</i> 1
<b>VH64B3</b> <b>P.E101</b>	Sáng	Toán (Dương) 2 Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Chi) 2 Vật lý (Hoà) 2	Hoá học (Vân) 2 Toán (Dương) 2	Địa lý (Thuý) 4	GDKT và PL (Quyên) 3 <i>HĐTN (Vân)</i> 1
<b>VH64B4</b> <b>P.E201</b>	Sáng	Vật lý (Trung) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Hoá học (Hà) 2 Lịch sử (Hằng) 2	Ngữ văn (Chi) 2 GDKT và PL (Thắm) 2	CD Địa lý (Nga) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Hoá học (Hà) 3 <i>HĐTN (H.Nga)</i> 1
<b>VH64B5</b> <b>P.E202</b>	Sáng	Lịch sử (Hằng) 2 Hoá học (Hà) 2	Lịch sử (Hằng) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Toán (Dương) 2 Ngữ văn (Chi) 2	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Vật lý (Hoà) 3 <i>HĐTN (Dương)</i> 1
<b>VH64B6</b> <b>P. E204</b>	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) 4	Địa lý (Lực) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Quyên) 4 Hóa học (Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 3 <i>HĐTN (H. Hà)</i> 1
<b>VH64B8</b> <b>P.E203</b>	Sáng	Ngữ văn (Lý) 4	GDKT và PL (Tài) 2 Sinh học (Phượng) 2	Lịch sử (Dự) 4	Hoá học (Vân) 2 Địa lý (Lực) 2	Toán (Quảng) 3 <i>HĐTN (Phiên)</i> 1
<b>VH65B1</b>	Sáng				Vật lý (Son) 4	
	Chiều	Địa lý (Thúy) 4	GDKT và PL (Thuý) 4	Toán (Hương) 4	Ngữ văn (Hằng) 4	Lịch sử (Hà) 3 <i>HĐTN (Thuý)</i> 1
<b>VH65B2</b> <b>P.E302</b>	Chiều	Toán (Dương) 2 GDKT và PL (Quyên) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2 Hóa học (Hà) 2	Địa lý (Thuý) 2 Lịch sử (Dự) 2	Vật lý (Trung) 2 Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 3 <i>HĐTN (Quyên)</i> 1
<b>VH65B3</b> <b>P.E301</b>	Chiều	Ngữ văn (Lý) 2 Toán (Quý) 2	Địa lý (Phượng) 2 Ngữ văn (Lý) 2	Lịch sử (Dự) 2 Hoá học (Vân) 2	GDKT và PL (Thắm) 2 Vật lý (Trung) 2	Ngữ văn (Lý) 3 <i>HĐTN (Quý)</i> 1
<b>VH65B4</b> <b>P.E101</b>	Chiều	Toán (Quý) 2 Địa lý (Lực) 2	Vật lý (Hoà) 2 GDKT và PL (Nga) 2	Hóa học (Vân) 2 Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Dự) 2 Hóa học (Vân) 2	Toán (Quý) 3 <i>HĐTN (Mạnh)</i> 1

<b>VH65B5</b> <b>P.B205</b>	Chiều	GDKT và PL (Nga) Sinh học (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Hà)	4	Lịch sử (Hằng) Toán (Dương)	2 2	Địa lý (Lực) Vật lý (Hoà)	2 2	Ngữ văn (Hà) <b>HĐTN (Lực)</b>	3 1
<b>VH65B6</b> <b>P.B204</b>	Chiều	Lịch sử (Hằng) Vật lý (Trung)	2 2	Sinh học (Phượng) Địa lý (Phượng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Vật lý (Trung)	2 2	Ngữ văn (Chi) Sinh học (Phượng)	2 2	Vật lý (Trung) <b>HĐTN (Thắm)</b>	3 1
<b>VH65B7</b> <b>P.B104</b>	Chiều	Toán (Quảng) Ngữ văn (Lý)	2 2	Lịch sử (Hằng) Toán (Quảng)	2 2	Sinh học (Phượng) Ngữ văn (Lý)	2 2	Địa lý (Phượng) GDKT và PL (Nga)	2 2	GDKT và PL (Nga) <b>HĐTN (Phượng)</b>	3 1
<b>VH65B8</b> <b>P.B202</b>	Chiều	Địa lý (Lực) Toán (Quảng)	2 2	Toán (Quảng) Lịch sử (Hằng)	2 2	Ngữ văn (Hường) GDKT và PL (Quế)	2 2	Sinh học (Phượng) Toán (Quảng)	2 2	Ngữ văn (Hường) <b>HĐTN (Hường)</b>	3 1
<b>VH65B9</b> <b>P.B203</b>	Chiều	Ngữ văn (Hà)	4	Hoá học (Hà) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Sinh học (Hồng) Toán (Quảng)	2 2	Toán (Quảng) Địa lý (Phượng)	2 2	Hoá học (Hà) <b>HĐTN (Hồng)</b>	3 1
<b>VH65B10</b> <b>P.B103</b>	Chiều	GDKT và PL (Thắm) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Lý) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Lý) Địa lý (Thuỷ)	2 2	Sinh học (Hồng) Lịch sử (Dự)	2 2	<b>HĐTN (Thắm)</b> GDKT và PL (Thắm)	1 2
<b>VH65B11</b> <b>P.B201</b>	Chiều	GDKT và PL (Quế) Lịch sử (Hằng)	2 2	Toán (Dương) Sinh học (Hồng)	2 2	Toán (Dương) Lịch sử (Hằng)	2 2	Ngữ văn (Hà)	4	Địa lý (Nga) <b>HĐTN (Quế)</b>	3 1

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đoàn Văn Lưu**